

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4032 /BHXH-PC
V/v hướng dẫn tham gia tố tụng dân
sự và thi hành án dân sự

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2014

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Thi hành án và các văn bản hướng dẫn thi hành. Sau khi Bộ Tư pháp có ý kiến tại Công văn số 3874/BTP-TCTHADS ngày 12/9/2014 và Viện Khoa học xét xử có ý kiến tại Công văn số 260/KHXX ngày 22/9/2014, Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bảo hiểm xã hội huyện chuẩn bị hồ sơ, tham gia tố tụng và thi hành án như sau:

I. Tham gia tố tụng khi cơ quan Bảo hiểm xã hội là nguyên đơn

1. Những vấn đề chung

1.1. Xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết

- Theo Khoản 1, Điều 33 và Điểm a, Khoản 1, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Tố tụng dân sự) thì Bảo hiểm xã hội tỉnh hoặc Bảo hiểm xã hội huyện (sau đây gọi tắt là cơ quan Bảo hiểm xã hội) nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân cấp huyện nơi bị đơn cư trú, làm việc (nếu bị đơn là cá nhân) hoặc nơi bị đơn có trụ sở (nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức).

- Theo Điều 36 Bộ luật Tố tụng dân sự:

+ Trong trường hợp không biết nơi cư trú, làm việc, trụ sở của bị đơn thì cơ quan Bảo hiểm xã hội có thể đề nghị Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết.

+ Trường hợp tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh thuộc tổ chức thì cơ quan Bảo hiểm xã hội có thể đề nghị Tòa án nơi tổ chức đó có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết.

Ví dụ: Công ty A có trụ sở tại huyện X. Công ty A có chi nhánh tại huyện Y. Cơ quan Bảo hiểm xã hội khi thực hiện việc khởi kiện chi nhánh của công ty A do nợ tiền bảo hiểm xã hội có thể yêu cầu Tòa án huyện X hoặc Tòa án huyện Y thụ lý giải quyết.

- Việc xác định nơi cư trú, làm việc, nơi có trụ sở của nguyên đơn hoặc bị đơn để xác định Tòa án giải quyết căn cứ tại thời điểm nộp đơn khởi kiện.

1.2. Hồ sơ khởi kiện

Hồ sơ khởi kiện bao gồm:

- Đơn khởi kiện

+ Đơn khởi kiện theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn thi hành một số quy định của Phần thứ hai "Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm" của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự (Mẫu đơn đính kèm Công văn này). Đơn khởi kiện do Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh hoặc Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, chức danh và đóng dấu của cơ quan Bảo hiểm xã hội. Lưu ý: trong đơn khởi kiện phải nêu rõ yêu cầu khởi kiện.

Trường hợp cơ quan Bảo hiểm xã hội được quyền lựa chọn nhiều Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự thì trong nội dung đơn khởi kiện phải cam kết không khởi kiện tại Tòa án khác.

+ Căn cứ quy định tại Khoản 6, 7 Điều 9, Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP, trong đơn khởi kiện phải ghi đúng, đầy đủ, cụ thể địa chỉ của bị đơn cũng như của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nếu cơ quan Bảo hiểm xã hội không biết hoặc ghi không đúng địa chỉ của bị đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để ghi trong đơn khởi kiện thì cơ quan Bảo hiểm xã hội phải thực hiện việc tìm địa chỉ của đơn vị sử dụng lao động, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Bản sao Quyết định thành lập cơ quan Bảo hiểm xã hội.
- Giấy ủy quyền của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh hoặc Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện (nếu có).
- Bản sao Quyết định bổ nhiệm của người đứng đơn khởi kiện (nếu có).
- Bản sao Chứng minh thư nhân dân của người đại diện tham gia tố tụng.
- Các tài liệu, hồ sơ xác định nợ của đơn vị theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam (*đối với trường hợp khởi kiện đơn vị nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế*) hoặc các tài liệu, hồ sơ liên quan đến nội dung khởi kiện.
- Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh của đơn vị bị khởi kiện. Nếu đơn vị bị kiện là chi nhánh, văn phòng đại diện thì bổ sung bản sao giấy phép thành lập của Công ty chủ quản.
- Bảng kê các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện (*ghi rõ số lượng bản chính, bản sao*).
- Trường hợp có lý do chính đáng, khách quan mà chưa thể nộp ngay đầy đủ các loại tài liệu, chứng cứ chứng minh cho những yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, cơ quan Bảo hiểm xã hội nộp các tài liệu, chứng cứ ban đầu để chứng minh cho việc khởi kiện là có căn cứ và tự bổ sung hoặc bổ sung theo yêu cầu của Tòa án. Nếu không tự cung cấp được chứng cứ thì phải có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.3. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan Bảo hiểm xã hội

Thực hiện theo quy định tại Điều 58 về quyền, nghĩa vụ của đương sự và Điều 59 về quyền, nghĩa vụ của bị đơn trong Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.4. Án phí, lệ phí Tòa án

- Án phí: Theo quy định tại Khoản 2, Điều 10, Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án, cơ quan Bảo hiểm xã hội khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước theo lĩnh vực phụ trách nên không phải nộp tiền án phí.

- Lệ phí Tòa án: Căn cứ quy định tại Điều 4, Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án, cơ quan Bảo hiểm xã hội nộp theo mức quy định tại Danh mục mức lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án. Nguồn hạch toán, quyết toán thực hiện theo hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, phí thi hành án và chi phí cưỡng chế thi hành án của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Quy trình khởi kiện và tham gia tố tụng

2.1. Quy trình khởi kiện

a) Bước 1: Nộp đơn khởi kiện

Cơ quan Bảo hiểm xã hội nộp đơn khởi kiện và tài liệu trực tiếp tại Tòa án hoặc gửi đến Tòa án qua bưu điện. Ngày khởi kiện được tính từ ngày cơ quan Bảo hiểm xã hội nộp đơn tại Tòa án hoặc ngày có dấu bưu điện nơi gửi.

Theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng dân sự, ngay từ thời điểm nộp đơn khởi kiện, cơ quan Bảo hiểm xã hội có quyền gửi đơn yêu cầu Tòa án đang giải quyết vụ án áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự để bảo vệ chứng cứ, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp người lao động, bảo đảm việc thi hành án...

Theo quy định tại Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự, các biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể sử dụng khi khởi kiện đơn vị nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế như: Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước; Phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ; Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ; Cấm hoặc buộc đương sự thực hiện hành vi nhất định

b) Bước 2: Tham gia phiên tòa

- Khi tranh tụng tại phiên tòa, cán bộ Bảo hiểm xã hội thực hiện các yêu cầu sau:

+ Nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quy định khác có liên quan để phát biểu tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động

+ Nghiên cứu, phân tích kỹ chứng cứ đề xuất quan điểm về việc giải quyết vụ án, đáp lại ý kiến của người khác.

- Trường hợp Tòa án thụ lý vụ án

Khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, cơ quan Bảo hiểm xã hội tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Trường hợp Tòa án nơi cơ quan Bảo hiểm xã hội nộp đơn khởi kiện chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền căn cứ các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 37, Bộ luật Tố tụng dân sự thì cơ quan Bảo hiểm xã hội có trách

nhiệm thực hiện các thủ tục, quy trình tố tụng tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp Tòa án trả lại đơn khởi kiện do thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 168 Bộ luật Tố tụng dân sự: nếu thấy việc trả lại đơn khởi kiện của Tòa không đúng theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo do Tòa án trả lại, cơ quan Bảo hiểm xã hội có quyền khiếu nại với Chánh án Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện. Sau khi gửi đơn khiếu nại, cơ quan Bảo hiểm xã hội có trách nhiệm theo dõi việc xử lý đơn khiếu nại của Chánh án Tòa án theo thời hạn quy định (03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại).

2.2. Thời hạn kháng cáo và Mẫu đơn kháng cáo

Căn cứ Điều 244, 245, 247 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo và Mẫu đơn kháng cáo thực hiện như sau:

a) Đơn kháng cáo

Đơn kháng cáo theo Mẫu 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm” của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự (Mẫu đơn kèm theo Công văn này).

b) Thời hạn kháng cáo

- Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

- Thời hạn kháng cáo đối với quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là 07 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, nếu cơ quan Bảo hiểm xã hội nhận thấy không có căn cứ để Tòa ra Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thì có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm, đơn kháng cáo gửi Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ.

- Trong trường hợp đơn kháng cáo gửi qua bưu điện thì ngày kháng cáo được tính căn cứ vào ngày bưu điện nơi gửi đóng dấu ở phong bì.

- Kháng cáo quá thời hạn quy định trên là kháng cáo quá hạn. Trường hợp kháng cáo quá hạn, cơ quan Bảo hiểm xã hội phải có bản tường trình về lý do kháng cáo quá hạn và tài liệu, chứng cứ (nếu có) nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm.

2.3. Đề nghị người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm

Cơ quan Bảo hiểm xã hội khi phát hiện vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có quyền thông báo bằng văn bản cho những người có quyền kháng nghị theo quy định tại Điều 285 và Điều 307, Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thông báo bằng văn bản cho những người có quyền kháng nghị, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bảo hiểm xã hội huyện gửi về Bảo hiểm xã hội Việt Nam (qua Ban Pháp chế) 01 bản để theo dõi, đồng thời có trách nhiệm theo dõi nắm bắt thông tin để cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của người có thẩm quyền.

II. Thủ tục tố tụng khi cơ quan Bảo hiểm xã hội là bị đơn

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 56, Bộ luật Tố tụng dân sự thì cơ quan Bảo hiểm xã hội là bị đơn trong vụ án dân sự khi bị cơ quan, tổ chức, cá nhân (nguyên đơn) khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị cơ quan Bảo hiểm xã hội xâm phạm.

1. Quy trình tham gia tố tụng

1.1. Nhận thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án

Theo quy định tại Điều 175 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, cơ quan Bảo hiểm xã hội gửi Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện (nếu có); trường hợp cần gia hạn có đơn xin gia hạn gửi cho Tòa án nêu rõ lý do.

- Đồng thời với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, cơ quan Bảo hiểm xã hội có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Trường hợp cơ quan Bảo hiểm xã hội có quyền yêu cầu phản tố thì yêu cầu phản tố thực hiện theo quy định tại Điều 176, 178 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Điều 12, 13 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP.

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội có quyền đề nghị Tòa án cho xem, ghi chép, sao chụp đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện để nắm thông tin, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, chủ động tham gia tố tụng.

Cơ quan Bảo hiểm xã hội khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án cần phân công ngay cán bộ trực tiếp theo dõi và tham gia tố tụng.

1.2. Tham gia tố tụng

a) Tham gia Phiên hòa giải

Đại diện cơ quan Bảo hiểm xã hội có trách nhiệm tham gia Phiên hòa giải theo thời gian, địa điểm tiến hành hòa giải, nội dung các vấn đề cần hòa giải do Tòa án thông báo. Trường hợp cơ quan Bảo hiểm xã hội thỏa thuận được với nguyên đơn thì nội dung thỏa thuận phải đảm bảo đúng các quy định của pháp luật và không gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, của Ngành.

b) Tham gia phiên tòa

- Việc cử đại diện hoặc ủy quyền tham gia tố tụng của Bảo hiểm xã hội tỉnh và Bảo hiểm xã hội huyện thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Các bộ phận hoặc Phòng nghiệp vụ thực hiện chức năng, lĩnh vực liên quan đến nội dung bị khởi kiện chủ trì, phối hợp với bộ phận hoặc Phòng Hành chính-Tổng hợp (hoặc Phòng Tổ chức- Hành chính) và các phòng nghiệp vụ có liên

quan khác chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu, căn cứ pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ngành để cung cấp cho Tòa án và cho người đại diện tham gia tố tụng của cơ quan Bảo hiểm xã hội. Đối với các vấn đề phức tạp cần xin ý kiến của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để có chỉ đạo phương hướng giải quyết.

Đại diện tham gia tố tụng của cơ quan Bảo hiểm xã hội có trách nhiệm tham gia phiên tòa theo quy định.

1.3. Thời hạn kháng cáo, Mẫu đơn kháng cáo và việc kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm: thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn tại Tiết 2.2 và 2.3, Mục 2, Phần I Công văn này.

2. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan Bảo hiểm xã hội với tư cách là bị đơn

Thực hiện theo quy định tại Điều 58 về quyền và nghĩa vụ của đương sự và Điều 60 về quyền và nghĩa vụ của bị đơn, Bộ luật Tố tụng dân sự.

III. Về thi hành án

Trường hợp cơ quan Bảo hiểm xã hội là người phải thi hành án: có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện theo quy định của pháp luật nội dung bản án, quyết định của Tòa án và quyết định của cơ quan Thi hành án.

Trường hợp cơ quan Bảo hiểm xã hội là người được thi hành án: Khi bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nội dung của bản án, quyết định, cơ quan Bảo hiểm xã hội phải tiến hành nộp đơn yêu cầu thi hành án cho cơ quan thi hành án theo các nội dung sau:

1. Các vấn đề chung

1.1. Thời hiệu thi hành án

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự là 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp thời hạn thực hiện nghĩa vụ được ấn định trong bản án, quyết định thì thời hạn 05 năm được tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn.

Thời hiệu yêu cầu thi hành án chỉ áp dụng đối với trường hợp thi hành án theo đơn yêu cầu.

1.2. Phí thi hành án

Phí thi hành án là khoản tiền mà người được thi hành án phải nộp khi nhận được tiền, tài sản theo bản án, quyết định.

a) Cơ quan Bảo hiểm xã hội không phải chịu phí thi hành án trong các trường hợp sau

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội khởi kiện các đơn vị sử dụng lao động nợ tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (Khoản 1, Điều 34, Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự).

- Trường hợp khởi kiện khác (Điểm a, Khoản 3, 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 144/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 22/9/2010 hướng dẫn về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự).

+ Cơ quan Bảo hiểm xã hội không rút đơn yêu cầu thi hành án, nhưng sau đó các đương sự tự nguyện thi hành án và cơ quan thi hành án chưa có quyết định cưỡng chế thi hành án, cũng chưa thu được tiền, tài sản để chi trả cho đương sự.

+ Cơ quan Bảo hiểm xã hội có đơn rút đơn yêu cầu thi hành án hoặc cơ quan Bảo hiểm xã hội và người phải thi hành án có thỏa thuận bằng văn bản trước khi có quyết định cưỡng chế thi hành án.

b) Cơ quan Bảo hiểm xã hội phải chịu phí thi hành án trong các trường hợp khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, 4 Điều 2, Thông tư liên tịch số 144/2010/TTLT-BTC-BTP

1.3. Chi phí cưỡng chế thi hành án

Chi phí cưỡng chế thi hành án là các khoản chi phí do người phải thi hành án chịu để tổ chức cưỡng chế thi hành án, trừ trường hợp pháp luật quy định chi phí cưỡng chế thi hành án do người được thi hành án hoặc do ngân sách nhà nước chi trả.

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 32, Nghị định số 58/2009/NĐ-CP, cơ quan Bảo hiểm xã hội không thuộc diện được miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án.

- Chi phí cưỡng chế thi hành án bao gồm:

+ Chi phí xác minh điều kiện thi hành án theo quy định tại Khoản 1, Điều 44, Luật Thi hành án dân sự đối với trường hợp người được thi hành án có đơn yêu cầu Chấp hành viên xác minh điều kiện thi hành án, gồm: Chi tiền công tác phí cho các đối tượng tham gia vào việc xác minh điều kiện thi hành án; Chi bồi dưỡng cho các đối tượng tham gia vào quá trình xác minh điều kiện thi hành án; Các chi phí khác phục vụ trực tiếp cho việc xác minh điều kiện thi hành án.

+ Chi phí định giá lại tài sản nếu người được thi hành án yêu cầu định giá lại, trừ trường hợp định giá lại do có vi phạm quy định về định giá.

+ Một phần hoặc toàn bộ chi phí xây ngăn, phá dỡ trong trường hợp bản án, quyết định xác định người được thi hành án phải chịu chi phí xây ngăn, phá dỡ.

+ Trường hợp người được thi hành án yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án không đúng thì người đó phải thanh toán các khoản chi phí thực tế do việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án đó.

(Mức chi cụ thể được quy định tại Điều 3, Thông tư số 184/2011/TTLT-BTC-BTP).

- Nguồn kinh phí hạch toán và quyết toán chi phí cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1178/BHXH-TCKT ngày

10/4/2014 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện án phí, lệ phí Tòa án, phí thi hành án và chi phí cưỡng chế thi hành án.

2. Thủ tục thi hành án

2.1. Nộp đơn yêu cầu thi hành án

Theo Điều 31, 32 Luật Thi hành án dân sự:

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội (người được thi hành án) có quyền tự mình hoặc ủy quyền cho người khác yêu cầu thi hành án bằng một trong các hình thức sau: nộp đơn hoặc trực tiếp đến cơ quan thi hành án dân sự nêu rõ nội dung yêu cầu và các thông tin liên quan đến việc thi hành án hoặc gửi đơn qua bưu điện kèm theo bản án, quyết định của Tòa án về dân sự và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- Đơn yêu cầu thi hành án phải ghi rõ ngày, tháng, năm; chữ ký của Giám đốc cơ quan Bảo hiểm xã hội và đóng dấu của cơ quan Bảo hiểm xã hội.

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án bằng văn bản áp dụng ngay biện pháp bảo đảm thi hành án gồm: Phong tỏa tài khoản; Tạm giữ tài sản, giấy tờ; Tạm dừng việc đăng ký, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng về tài sản.

2.2. Xác minh điều kiện thi hành án

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội có quyền tự mình hoặc ủy quyền cho người khác xác minh điều kiện thi hành án. Điều kiện thi hành án của đơn vị sử dụng lao động có thể gồm: tình hình hoạt động của đơn vị, tình hình tài chính (số dư tài khoản), tình hình tài sản...

Kết quả xác minh được công nhận và làm căn cứ để tổ chức việc thi hành án, trừ trường hợp Chấp hành viên thấy cần thiết phải xác minh lại.

- Nếu cơ quan Bảo hiểm xã hội đã áp dụng các biện pháp cần thiết mà không thể tự xác minh được điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì có thể yêu cầu Chấp hành viên tiến hành xác minh. Việc yêu cầu này phải được lập thành văn bản và phải ghi rõ các biện pháp đã được áp dụng nhưng không có kết quả, kèm theo tài liệu chứng minh.

Khi yêu cầu Chấp hành viên xác minh điều kiện thi hành án, cơ quan Bảo hiểm xã hội phải xuất trình biên bản làm việc hoặc các tài liệu hợp pháp khác để chứng minh việc người đó hoặc người đại diện theo ủy quyền đã tiến hành xác minh tại các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang nắm giữ các thông tin về tài sản, đang quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án nhưng không có kết quả.

Việc xác minh tại các cơ quan, tổ chức, cá nhân được coi là không có kết quả khi cơ quan Bảo hiểm xã hội hoặc người được ủy quyền chứng minh đã trực tiếp hoặc yêu cầu bằng văn bản nhưng đã quá thời hạn 01 tháng kể từ ngày yêu cầu nhưng không nhận được văn bản trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà không có lý do chính đáng.

2.3. Trách nhiệm của cơ quan Bảo hiểm xã hội trong thi hành án dân sự

Thực hiện theo quy định tại Điều 177 Luật Thi hành án dân sự:

- Cung cấp đúng, đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu về các khoản thu nhập của người phải thi hành án đang được chi trả qua Bảo hiểm xã hội theo yêu cầu của Chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự.

- Thực hiện nghiêm chỉnh, kịp thời yêu cầu của Chấp hành viên về khấu trừ thu nhập của người phải thi hành án để thi hành án.

- Thực hiện đầy đủ yêu cầu khác của Chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, sau khi cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, cơ quan Bảo hiểm xã hội có trách nhiệm thông báo thông tin số tài khoản của cơ quan để cơ quan Thi hành án chuyển số tiền thu hồi được từ đơn vị sử dụng lao động.

Trường hợp phát hiện đơn vị sử dụng lao động có tài sản ở địa bàn quận, huyện khác nơi nộp đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan Bảo hiểm xã hội gửi văn bản thông báo cho cơ quan Thi hành án để cơ quan Thi hành án thực hiện ủy thác thi hành án theo quy định.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Ban Pháp chế

1.1. Giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác tham gia tố tụng dân sự và thi hành án dân sự tại Bảo hiểm xã hội tỉnh; giúp Tổng Giám đốc thực hiện việc bảo vệ lợi ích nhà nước thuộc lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các hoạt động của Ngành.

1.2. Tổng hợp các ý kiến phản ánh về những khó khăn, vướng mắc của địa phương trong quá trình thực hiện, trình lãnh đạo Ngành đề xuất, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng và thi hành án cho phù hợp.

2. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị phối hợp với Ban Pháp chế thực hiện công tác tố tụng, thi hành án theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bảo hiểm xã hội huyện

3.1. Bảo hiểm xã hội tỉnh chủ động phối hợp với Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án ký kết các Quy chế phối hợp làm việc nhằm tranh thủ sự giúp đỡ về nghiệp vụ, đảm bảo các hoạt động tham gia tố tụng, thi hành án diễn ra thuận lợi, đúng pháp luật.

3.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh có trách nhiệm phổ biến (sao y văn bản hướng dẫn này) và hướng dẫn Bảo hiểm xã hội huyện tổ chức thực hiện quy trình tham gia tố tụng, thi hành án và tổ chức thực hiện các nội dung tại văn bản này.

Phòng Hành chính - Tổng hợp (Phòng Tổ chức - Hành chính) thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các phòng nghiệp vụ có liên quan, các bộ phận nghiệp vụ của Bảo hiểm xã hội huyện được phân công có trách nhiệm

chuẩn bị các căn cứ pháp lý cho việc tham gia tổ tụng và thi hành án của cơ quan Bảo hiểm xã hội.

3.3. Trong quá trình tham gia tổ tụng và thi hành án, nếu gặp khó khăn vướng mắc cần kịp thời báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, đảm bảo hiệu quả công việc cũng như thời hiệu giải quyết.

3.4. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Bảo hiểm xã hội tỉnh tổng hợp và báo cáo Bảo hiểm xã hội Việt Nam tình hình tham gia tổ tụng với tư cách là nguyên đơn và bị đơn tham gia các vụ khởi kiện liên quan đến chính sách BHXH, BHYT. Báo cáo 6 tháng gửi về Bảo hiểm xã hội Việt Nam trước ngày 15/6, báo cáo năm gửi trước ngày 05/01 năm tiếp theo.

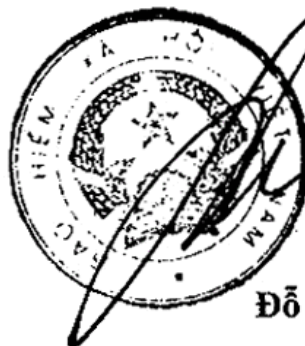
Trên đây là hướng dẫn công tác tham gia tổ tụng và thi hành án đối với Bảo hiểm xã hội các tỉnh và Bảo hiểm xã hội huyện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị Bảo hiểm xã hội các tỉnh kịp thời phản ánh về Bảo hiểm xã hội Việt Nam (Ban Pháp chế) để được hướng dẫn.

Công văn này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Công văn số 3434/BHXH-KT ngày 13/10/2008 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc hướng dẫn khởi kiện đơn vị sử dụng lao động vi phạm pháp luật về đóng bảo hiểm xã hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam;
- Lưu: VT, PC (5).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đỗ Văn Sinh

09451508

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN KHÁNG CÁO

Kính gửi: Tòa án nhân dân ⁽¹⁾

Người kháng cáo: ⁽²⁾

Địa chỉ: ⁽³⁾

Là: ⁽⁴⁾

Kháng cáo: ⁽⁵⁾

Lý do của việc kháng cáo: ⁽⁶⁾

.....

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những việc sau đây: ⁽⁷⁾

.....

Những tài liệu, chứng cứ bổ sung kèm theo đơn kháng cáo gồm có: ⁽⁸⁾

1.....

2.....

3.....

Người kháng cáo ⁽⁹⁾
(Ký tên hoặc điểm chỉ)
Họ và tên

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01:

(1) Ghi tên Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án. Nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh ĐN); nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội). Cần ghi địa chỉ cụ thể của Tòa án (nếu đơn kháng cáo được gửi qua bưu điện).

(2) Nếu người kháng cáo là cá nhân, thì ghi họ và tên của cá nhân đó; nếu người kháng cáo là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó (ghi như đơn kháng cáo) và ghi họ và tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức đó (ví dụ: Người kháng cáo: Tổng công ty X do ông Nguyễn Văn A, Tổng giám đốc làm đại diện).

(3) Nếu người kháng cáo là cá nhân, thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú (ví dụ: Địa chỉ: trú tại thôn B, xã C, huyện H, tỉnh T); nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó (ví dụ: Địa chỉ: có trụ sở tại số 20 phố NP, quận Đ, thành phố H).

(4) Ghi tư cách pháp lý của người kháng cáo (ví dụ: là nguyên đơn (bị đơn) trong vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Văn Nam trú tại nhà số 34 phố X, quận H, thành phố Y theo ủy quyền ngày... tháng... năm...; là người đại diện theo ủy quyền của Công ty XNK A do ông Nguyễn Văn Nam - Tổng Giám đốc đại diện theo giấy ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(5) Ghi cụ thể kháng cáo bản án, quyết định sơ thẩm hoặc phần nào của bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật đó (ví dụ: kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2012/DS-ST ngày 15-01-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh H).

(6) Ghi lý do cụ thể của việc kháng cáo.

(7) Nêu cụ thể từng vấn đề mà người kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

(8) Trường hợp có các tài liệu, chứng cứ bổ sung thì phải ghi đầy đủ tên các tài liệu, chứng cứ bổ sung kèm theo đơn kháng cáo (ví dụ: các tài liệu kèm theo đơn gồm có: 1) Bản sao Giấy xác nhận nợ; 2) Bản sao Giấy đòi nợ...).

(9) Nếu người kháng cáo là cá nhân, thì phải ký tên hoặc điểm chỉ và ghi rõ họ và tên của người kháng cáo đó; nếu là cơ quan, tổ chức kháng cáo, thì người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức kháng cáo ký tên, ghi rõ họ và tên, chức vụ của mình và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó.

(Ví dụ: Người kháng cáo

Tổng Công ty X

Tổng Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Mạnh T

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....⁽¹⁾, ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN KHỞI KIỆN

Kính gửi: Tòa án nhân dân ⁽²⁾.....

Họ và tên người khởi kiện: ⁽³⁾.....

Địa chỉ: ⁽⁴⁾.....

Họ và tên người có quyền và lợi ích được bảo vệ (nếu có)⁽⁵⁾.....

Địa chỉ: ⁽⁶⁾.....

Họ và tên người bị kiện: ⁽⁷⁾.....

Địa chỉ: ⁽⁸⁾.....

Họ và tên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có) ⁽⁹⁾.....

Địa chỉ: ⁽¹⁰⁾.....

Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ⁽¹¹⁾.....

.....

.....

Họ và tên người làm chứng (nếu có) ⁽¹²⁾.....

Địa chỉ: ⁽¹³⁾.....

Những tài liệu, chứng kèm theo đơn khởi kiện gồm có: ⁽¹⁴⁾

1.....

2.....

.....

(Các thông tin khác mà người khởi kiện xét thấy cần thiết cho việc giải quyết vụ án) ⁽¹⁵⁾

.....

.....

Người khởi kiện ⁽¹⁶⁾

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01:

- (1) Ghi địa điểm làm đơn khởi kiện (ví dụ: Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....).
- (2) Ghi tên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện A thuộc tỉnh B), nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên) và địa chỉ của Tòa án đó.
- (3) Nếu người khởi kiện là cá nhân, thì ghi họ và tên; nếu người khởi kiện là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên cơ quan, tổ chức và ghi họ, tên của người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức khởi kiện đó.
- (4) Ghi địa chỉ tại thời điểm nộp đơn khởi kiện. Nếu người khởi kiện là cá nhân, thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú (ví dụ: Nguyễn Văn A, trú tại thôn B, xã C, huyện M, tỉnh H); nếu người khởi kiện là cơ quan, tổ chức, thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó (ví dụ: Công ty TNHH Hìn Sen có trụ sở: Số 20 phố LTK, quận HK, thành phố H).
- (5), (7) và (9) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (3).
- (6), (8) và (10) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (4).
- (11) Nếu cụ thể từng vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết.
- (12) và (13) Ghi họ và tên, địa chỉ nơi người làm chứng cư trú (thôn, xã, huyện, tỉnh), nếu là nơi làm việc, thì ghi địa chỉ nơi người đó làm việc (ví dụ: Nguyễn Văn A, công tác tại Công ty B, trụ sở làm việc tại số... phố... quận... TP Hà Nội).
- (14) Ghi rõ tên các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện gồm có những tài liệu gì và phải đánh số thứ tự (ví dụ: các tài liệu kèm theo đơn gồm có: bản sao hợp đồng mua bán nhà, bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...)
- (15) Ghi những thông tin mà người khởi kiện xét thấy cần thiết cho việc giải quyết vụ án (ví dụ: Người khởi kiện thông báo cho Tòa án biết khi xảy ra tranh chấp một trong các đương sự đã đi nước ngoài chữa bệnh...).
- (16) Nếu người khởi kiện là cá nhân, thì phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khởi kiện đó; nếu là cơ quan tổ chức khởi kiện, thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức khởi kiện ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ của mình và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó.